

Thái Hòa, ngày 20 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 26; 48; 212; 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 275; 280; 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số A L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và các nhân.

(Theo Văn bản uỷ quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người được uỷ quyền lại: Ông Phạm Thanh H - Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ.

Bà Bùi Thị T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ .

Ông Bùi Huy H - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ .

Ông Lê Văn N - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ .

(Theo Văn bản uỷ quyền số 4087/2019/UQ-VPB ngày 29/5/2019 của Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và các nhân.

Cùng địa chỉ: Tầng 2, V, số 11x đường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1962

Bà Trịnh Thị Song H, sinh năm 1965

Đều trú tại: Khối C, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trần Văn S và bà Trịnh Thị Song H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V với tổng số tiền nợ gốc và lãi là tính đến hết ngày 12/11/2019 là 727.117.210đ (bảy trăm hai mươi bảy triệu, một trăm mười bảy nghìn, hai trăm mười đồng), trong đó tiền nợ gốc là 525.500.000đ, tiền lãi trong hạn là 3.903.748đ, tiền lãi quá hạn là 190.372.248đ, tiền lãi chậm trả lãi là 7.341.214đ theo hợp đồng tín dụng số LN1707190120360 và kế ước nhận nợ số LN1707190120360 ngày 21/7/2017.

Kể từ ngày 21/11/2019 ông Trần Văn S và bà Trịnh Thị Song H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LN1707190120360 ngày 21/7/2017 cho đến khi ông S, bà H thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ông Trần Văn S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V với tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 12/11/2019 là 93.042.918đ (Chín mươi ba triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm mười tám đồng), trong đó nợ gốc là 52.593.533đ, tiền lãi trong hạn là 3.685.184đ và lãi quá hạn là 36.764.201đ theo giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 21/7/2017.

Kể từ ngày 21/11/2019 ông Trần Văn S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán mà các bên thỏa thuận theo giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 21/7/2017 cho đến khi ông S thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2.2. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP V thì lãi suất mà ông S, bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V.

2.3. Trong trường hợp ông S, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số LN1707190120360 ngày 21/7/2017 thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là một chiếc xe ô tô con hiệu CHEVROLET ORLANDO, số khung RLLYF7551HH945587, số máy F18D4170530084, biển kiểm soát 37A 389.xx, đăng ký mang tên Trần Văn S theo hợp đồng thế chấp tài sản số LN1707190120360 ngày 21/7/2017.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số LN1707190120360 ngày 21/7/2017 thì ông S, bà H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP V đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp còn thừa thì Ngân hàng TMCP V phải trả lại cho ông Trần Văn S và bà Trịnh Thị Song H.

Trường hợp ông Trần Văn S và bà Trịnh Thị Song H trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng LN1707190120360 ngày 21/7/2017 thì Ngân hàng TMCP V phải trả lại giấy đăng ký xe ô tô số 055044 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Nghệ An cấp cho ông Trần Văn S ngày 20/7/2017.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn S và bà Trịnh Thị Song H thoả thuận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ mà ngân hàng đã nộp tạm ứng và chi phí hết trong quá trình xem xét thẩm định tại chỗ.

Ông Trần Văn S và bà Trịnh Thị Song H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP V toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ngân hàng đã nộp tạm ứng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)

2.5. Về án phí: Ông Trần Văn S và bà Trịnh Thị Song H thoả thuận chịu toàn bộ án phí DSST với số tiền là 16.542.344đ (mười sáu triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi bốn đồng). Ông Trần Văn S thoả thuận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.326.072đ (hai triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi hai đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 17.044.081đ (mười bảy triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm tám mươi một đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000639 ngày 25/7/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Văn Diên